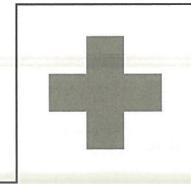


1-6 ● 病院・診療科



151 診療科

152 内科

152 内科

153 循環器内科

154 呼吸器内科

155 消化器内科

156 心療内科

162 精神神経科

163 小児科

164 婦人科

165 産婦人科

157 外科

158 心臓外科

159 呼吸器外科

160 脳神経外科

161 整形外科

166 眼科

167 耳鼻咽喉科

168 皮膚科

169 歯科



151

診療科

しんりょうか

Department

khoa khám bệnh

医院科室

Rumah sakit; Klinik

152

内科

ないか

Internal medicine

nội khoa

内科

Bagian/Departemen penyakit dalam

153

循環器内科

じゅんかんきないか

Cardiovascular medicine

khoa nội tim mạch

循環器官内科

Bagian/Departemen jantung

154

呼吸器内科

こきゅうきないか

Respiratory medicine

khoa nội hô hấp

呼吸器官内科

Bagian/Departemen pernapasan

155	消化器内科	しょうかきないか	Gastrointestinal medicine	khoa nội tiêu hóa
156	心療内科	しんりょうないか	Psychosomatic medicine	khoa nội tâm thần
157	外科	げか	Surgery, external medicine	khoa ngoại
158	心臓外科	しんぞうげか	Cardiac surgery	khoa ngoại tim mạch
159	呼吸器外科	こきゅうきげか	Respiratory surgery	khoa ngoại hô hấp
160	脳神経外科	のうしんけいげか	Neurosurgery	khoa ngoại thần kinh sọ não
161	整形外科	せいけいげか	Orthopedic surgery	khoa ngoại chấn thương chỉnh hình
162	精神神経科	せいしんしんけいか	Neuropsychiatry	khoa thần kinh - tâm thần
163	小児科	しょうにか	Pediatric medicine	khoa nhi
164	婦人科	ふじんか	Gynecology	khoa phụ khoa
165	産婦人科	さんふじんか	Obstetrics and gynecology	khoa phụ sản
166	眼科	がんか	Ophthalmology	khoa mắt
167	耳鼻咽喉科	じびいんこうか	Ear, nose and throat (ENT), otolaryngology	khoa tai mũi họng
168	皮膚科	ひふか	Dermatology	Bagian/Departemen THT (Telinga Hidung Tenggorokan)
169	歯科	しか	Dentistry	khoa răng
<b>共 (診療科) を受診する／ (診療科) にかかる</b>				
山田さんが腹痛を訴えているので、まずは内科にかかった。				